

A	DỊCH VỤ OPEN BANKING	Mức phí (chưa bao gồm VAT)	Ghi chú
1	Phí đăng ký dịch vụ Open Banking	Miễn phí	
2	Phí chuyển tiền trong nước		
2.1	Chuyển tiền trong hệ thống Nam A Bank	Miễn phí	
2.2	Chuyển tiền ngoài hệ thống Nam A Bank		
	Chuyển tiền thông thường	Miễn phí	
	Chuyển tiền nhanh NAPAS 247	Miễn phí	
3	Phí chuyển tiền quốc tế trực tuyến (eT/T)		
3.1	Phí chuyển tiền (Phí Nam A Bank) (Lệnh chuyển tiền thể hiện phí BEN/SHA/OUR)	100,000 VNĐ	+ Điện phí
	Phí NHNNg do Người chuyển tiền chịu		
	(Lệnh chuyển tiền thể hiện phí OUR) (*)		
	Bảng USD/ CAD/ SGD/ KRW	30 USD	+ Phí Ngân hàng đại lý (nếu có)
	Bảng JPY	5.000 JPY	+ Phí Ngân hàng đại lý (nếu có)
	Bảng EUR		
	- Trị giá < EUR12.500	30 EUR	+ Phí Ngân hàng đại lý (nếu có)
	- EUR12.500 ≤ Trị giá < EUR50.000	50 EUR	+ Phí Ngân hàng đại lý (nếu có)
	- Trị giá ≥ EUR50.000	135 EUR	+ Phí Ngân hàng đại lý (nếu có)
	Bảng AUD		
	- Trị giá < AUD20.000	30 EUR	+ Phí Ngân hàng đại lý (nếu có)
	- AUD20.000 ≤ Trị giá < AUD80.000	50 EUR	+ Phí Ngân hàng đại lý (nếu có)
	- Trị giá ≥ AUD80.000	90 EUR	+ Phí Ngân hàng đại lý (nếu có)
3.3	Tra soát/điều chỉnh Lệnh chuyển tiền/ Hủy lệnh chuyển tiền theo biểu phí tại quầy.		
4	Điện phí	05 USD/điện	
5	Phí nhận biến động số dư trên Open Banking	Miễn phí	
6	Phí tra soát	Miễn phí	
7	Phí điều chỉnh hạn mức giao dịch	Miễn phí	
8	Phong tỏa/giải tỏa/rút vốn tài khoản Tiền gửi tiết kiệm Online	Miễn phí	

9	Nạp tiền tài khoản giao thông VETC		
9.1	Nạp tiền vào TKG T VETC	Miễn phí	
9.2	Nạp tiền vào TKG T EPASS	3.000 VND/giao dịch	
10	Thanh toán song phương qua mã QR		
10.1	Thanh toán bằng mã QR tại Thái Lan ⁽¹⁾	0.2% giá trị giao dịch	Tối thiểu 5.000 VND/giao dịch
10.2	Thanh toán bằng mã QR tại Lào ⁽²⁾	0.2% giá trị giao dịch	Tối thiểu 5.000 VND/giao dịch
10.3	Thanh toán bằng mã QR tại Campuchia ⁽³⁾	0.2% giá trị giao dịch	Tối thiểu 5.000 VND/giao dịch
B	DỊCH VỤ SMS BANKING	Mức phí (chưa bao gồm VAT)	
1	Phí nhận biến động số dư qua tin nhắn sms		
	Số lượng tin nhắn ≤ 15 tin nhắn	12.000 VND/STK/SĐT/tháng ⁽²⁾	
	Số lượng tin nhắn > 15 tin nhắn	12.000 VND/STK/SĐT/tháng và 695/tin nhắn kể từ tin nhắn thứ 16/STK/SĐT/tháng	
2	Phí gửi tin nhắn đến đầu số dịch vụ 8149⁽⁵⁾	1.500 VND/tin nhắn	
C	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	Mức phí (chưa bao gồm VAT)	
1	Số tiền chuyển dưới 500 triệu đồng	0,01 % (TT: 15.000 VND)	
2	Số tiền chuyển từ 500 triệu đồng trở lên	0,04% (TĐ:1.000.000 VND)	
D	ONEBANK	Mức phí (đã bao gồm VAT)	
1	Nạp tiền mặt vào tài khoản thanh toán tại ONEBANK ⁽⁶⁾	Miễn phí	
2	Rút tiền mặt từ tài khoản thanh toán tại ONEBANK ⁽⁷⁾	Miễn phí	
3	Nạp tiền vào tài khoản Liên Ngân hàng 24/7 tại ONEBANK ⁽⁸⁾		
	Số tiền nhỏ hơn hoặc bằng 4.999.999 VND	Miễn phí	
	Số tiền từ 5.000.000 đồng đến 9.999.999 VND	50.000 VND/giao dịch	
	Số tiền bằng hoặc lớn hơn 10.000.000 VND	100.000 VND/giao dịch	

MỘT SỐ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

1. Giải thích từ ngữ và viết tắt:

- | | |
|--------------------------------|-------------------------------|
| - VND : Việt Nam đồng. | - NHNN : Ngân hàng Nhà nước |
| - VAT : Thuế giá trị gia tăng. | - TT : Tối thiểu. |
| - USD : Dollar United States | - TĐ : Tối đa. |
| - CAD : Dollar Canada | - BĐSD : Biến động số dư |
| - SGD : Dollar Singapore | - SĐT : Số điện thoại |
| - JPY : Japanese Yen | - KH : Khách hàng |
| - KRW : South Korean Won | - TK : Tài khoản |
| - EUR : Euro | - TGTT : Tiền gửi thanh toán |
| - AUD : Australian Dollar | - TKTT : Tài khoản thanh toán |
| - NHNNg : Ngân hàng nước ngoài | - STK : Số tài khoản |

- (1), (2), (3) Phí giao dịch được tính trên tổng giá trị giao dịch sau khi được quy đổi sang VND.
- (4) Không thu phí đối với TK/SĐT đăng ký dịch vụ SMS nhưng không phát sinh tin nhắn BĐSD trong kỳ thu phí.
- (5) Phí do công ty cung cấp dịch vụ viễn thông thu trực tiếp từ thuê bao gửi tin nhắn.
- (6), (7) Giao dịch nạp tiền mặt và rút tiền mặt đối với KH không có TKTT mở tại Nam A Bank được miễn phí đến khi có thông báo thay đổi.
- (8) Giao dịch dành cho KH chưa có TKTT tại Nam A Bank, thực hiện nạp tiền mặt vào TKTT/TK thẻ Napas liên ngân hàng 247 tại Ngân hàng khác trong hệ thống Napas. Phí dịch vụ sẽ được trừ trực tiếp vào khoản tiền KH thực hiện giao dịch nạp tiền thành công. Ví dụ:
- Tổng số tiền KH nạp 10.000.000 VND.
Khi đó: số tiền thực chuyển 9.900.000 VND và phí thu là 100.000 VND.
 - Tổng số tiền KH nạp là 10.100.000 VND.
Khi đó: số tiền thực chuyển 10.000.000 VND và phí thu là 100.000 VND.

2. Quy định chung:

- Các khoản mục phí không liệt kê trong biểu phí này sẽ được áp dụng theo biểu phí ban hành của từng sản phẩm cụ thể (nếu có).
- Trường hợp KH yêu cầu ngừng sử dụng dịch vụ, Nam A Bank tiến hành thu các loại phí chưa thu trong kỳ khi thực hiện ngừng cung cấp dịch vụ cho KH.
- Các khoản phí dịch vụ và các chi phí khác đã thu theo biểu phí này không được hoàn lại trong các trường hợp giao dịch yêu cầu hủy bỏ.
- Đối với dịch Open Banking: KH đăng ký dịch vụ ở ĐVKD nào thì hạch toán thu phí vào thu nhập cho ĐVKD đó.
- Đối với các dịch vụ còn lại: TK mở tại ĐVKD nào sẽ thu phí vào thu nhập cho ĐVKD đó.
- Nam A Bank có thể thay đổi biểu phí dịch vụ trên mà không cần thông báo trước với KH, trừ khi có thỏa thuận khác giữa Nam A Bank và Khách hàng.

a. Dịch vụ SMS Banking

- Không gửi tin nhắn SMS BĐSD đối với các trường hợp sau:
 - Các giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 100.000 VND phát sinh trên TK TGTT của KH.
 - Các giao dịch chuyển tiền trong hệ thống giữa các TK của chính KH.
- Đối với phí SMS Banking nếu KH sử dụng nhiều hơn 1 SĐT hoặc 1 STK sẽ thu thêm tương ứng SĐT hoặc STK đăng ký.
- TK đăng ký nhận thông báo BĐSD (SMS Banking) bao gồm TK TGTT, tài khoản thấu chi,...
- Trường hợp KH đăng ký dịch vụ SMS Banking cho TK ngoại tệ, hệ thống không tự động thu phí trên TK ngoại tệ. ĐVKD tiến hành thu phí dịch vụ SMS Banking trên TKTT VND tương ứng của KH.
- Chu kỳ tính phí dịch vụ SMS Banking được tính bắt đầu từ **00h:00p:00** ngày đầu tiên đến **23h:59p:59s** ngày cuối cùng của tháng theo giờ hệ thống Nam A Bank ghi nhận và thời điểm thu phí sẽ được thu trước ngày **10** của tháng tiếp theo.
- Truy thu đối với các KH không thu được phí dịch vụ SMS Banking tại mỗi kỳ thu:
 - Trong trường hợp TK đăng ký dịch vụ của KH không đủ số dư để thu phí, hệ thống sẽ ghi nhận số tiền phí chưa thu được trên TK của KH.
 - Định kỳ vào ngày **15** của tháng, hệ thống sẽ thực hiện thu nợ dịch vụ đối với TK của KH có đủ số dư.

- Trường hợp TK KH nợ phí dịch vụ SMS Banking **tối đa** 3 kỳ phí, Nam A Bank sẽ tự động hủy đăng ký (**ngừng cung cấp**) dịch vụ SMS Banking trên TK nợ phí của KH.

b. Ngân sách Nhà nước:

Biểu phí Thu Ngân sách Nhà nước: áp dụng cho các giao dịch Thu Ngân sách Nhà nước không phân biệt cùng hay khác Tỉnh/Thành phố nơi mở tài khoản; **Không miễn phí đối với gói tài khoản tối ưu.**

c. Dịch vụ chuyển tiền quốc tế trực tuyến (eT/T):

- KH trả bằng VND theo tỷ giá giao dịch (hoặc tỷ giá niêm yết trường hợp KH không mua ngoại tệ) của Nam A Bank tại thời điểm thu.
- Phí đã thu không hoàn lại trong bất kỳ trường hợp nào trừ trường hợp Nam A Bank có quy định khác.
- Các giao dịch ngoại tệ tuân thủ theo quy định của NHNN về quản lý ngoại hối.
- Mức phí quy định trong biểu phí là mức phí tối thiểu.
- Mức phí được thay đổi theo từng thời điểm phù hợp với hoạt động của Nam A Bank.

(*) Đối với phí *OUR* chuyển tiền đi nước ngoài:

- Mức phí này chỉ là phí của Ngân hàng giữ tài khoản NOSTRO của Nam A Bank
- Trường hợp Người thụ hưởng có tài khoản tại Ngân hàng khác với Ngân giữ tài khoản NOSTRO của Nam A Bank thì có 2 trường hợp xảy ra:
 - Số tiền nhận được **có thể** sẽ ít hơn số tiền chuyển (do Ngân hàng trung gian/Ngân hàng của Người thụ hưởng **có thể** thu thêm phí trước khi thực hiện ghi có vào Tài khoản của Người thụ hưởng); *hoặc,*
 - Số tiền nhận được bằng số tiền chuyển nhưng Ngân hàng giữ tài khoản NOSTRO của Nam A Bank **có thể** sẽ gửi điện đến Nam A Bank đòi thêm phí theo yêu cầu của Ngân hàng trung gian/Ngân hàng của Người thụ hưởng. Trong trường hợp này, KH có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ các khoản phí phát sinh này.